HĐND PHƯỜNG HỘI AN TÂY

Biểu mẫu số 62

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND phường Hội An Tây ngày 30/3/2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư: Tổng mức đầu tư được duyệt					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025				DỰ TOÁN					QUYẾT TOÁN					So sánh (%)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngoài nước	Trong đó: Ngân sách trung ương	Trong đó: TPCP	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Ngoài nước	Trong đó: Ngân sách trung ương+TPCP	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Ngoài nước	Trong đó: Ngân sách trung ương+TPCP	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Ngoài nước	Trong đó: Ngân sách trung ương	Trong đó: TPCP	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Ngoài nước	Trong đó: Ngân sách trung ương	Trong đó: TPCP	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: Ngoài nước	Trong đó: Ngân sách trung ương	Trong đó: TPCP	Trong đó: NSĐP
A	B	C		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28=23/18	29=24/19	30=25/20	31=26/	32=27/22
	TỔNG CỘNG			61,102	-	3,100	-	58,002	49,772	-	2,337	47,435	52,591	-	3,437	49,154	31,484	-	187	-	30,196	23,717	-	187	-	23,529	75%		100%		78%
	VỐN BỐ TRÍ CÁC NGÀNH LĨNH VỰC			56,902	-	-	-	56,902	46,835	-	-	46,835	49,154	-	-	49,154	30,196	-	-	-	30,196	23,164	-	-	-	23,164	77%				77%
1	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG			56,902	-	-	-	56,902	46,835	-	-	46,835	49,154	-	-	49,154	30,196	-	-	-	30,196	23,164	-	-	-	23,164	77%				77%
	Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực			56,902	-	-	-	56,902	46,835	-	-	46,835	49,154	-	-	49,154	30,196	-	-	-	30,196	23,164	-	-	-	23,164	77%				77%
	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			56,902	-	-	-	56,902	46,835	-	-	46,835	49,154	-	-	49,154	30,196	-	-	-	30,196	23,164	-	-	-	23,164	77%				77%
1	Cảnh quan môi trường nông thôn (Điện chiếu sáng)	7780539	2024-2025	200				200	120			120	154			154	154	-	-	-	154	120	-	-	-	120	78%				78%
2	Thiết chế văn hóa khối phố Bàu Sũng	8033727	2024-2025	2,408				2,408	1,905			1,905	1,912			1,912	300	-	-	-	300	294	-	-	-	294	98%				98%
3	Thiết chế văn hóa khối phố Trảng Sỏi	8033729	2024-2025	1,900				1,900	1,658			1,658	1,710			1,710	1,710			-	1,710	267	-	-	-	267	16%				16%
4	Thiết chế văn hóa khối phố An Bang	8033730	2024-2025	2,900				2,900	2,106			2,106	2,112			2,112	647	-	-	-	647	640	-	-	-	640	99%				99%
5	Mái tôn lối đi trường TH Bùi Chát và mái tôn phụ nhà đa năng trường TH Chu Văn An	8036666	2024-2025	440				440	439			439	439			439	439	-	-	-	439	439	-	-	-	439	100%				100%
6	Công trình: Nâng cấp tuyến giao thông tại làng rau Trà Quế; Hạng mục: Tuyến đường từ nhà Ông Thành đến nhà ông Long	8053989	2024-2025	900				900	861			861	862			862	131	-	-	-	131	130	-	-	-	130	100%				100%
7	Công trình: Kênh tiêu đồng Bồn dây (Giai đoạn 1)	8067360	2024-2025	1,100				1,100	918			918	918			918	418	-	-	-	418	418	-	-	-	418	100%				100%
8	Bê tông hóa mương thoát nước bãi đỗ xe Làng gốm Thanh Hà	8069605	2024-2025	950				950	855			855	855			855	367	-	-	-	367	367	-	-	-	367	100%				100%
9	Công trình: Xử lý ngập úng tuyến đường thôn Đồng Nà (Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến giáp hàng rào chùa Vạn Đức)	8081787	2024-2025	800				800	765			765	765			765	265	-	-	-	265	265	-	-	-	265	100%				100%
10	Công trình: Nâng cấp tuyến đường bê tông bên cạnh sân vận động xã, tổ 13 Đồng Nà	8082363	2024-2025	1,200				1,200	1,048			1,048	1,048			1,048	248	-	-	-	248	248	-	-	-	248	100%				100%
11	Công trình: Nâng cấp đường bê tông từ Bàu Ốc Hạ 2 đến nhà bà Trâm tổ 29	8085368	2024-2025	399				399	389			389	389			389	189	-	-	-	189	189	-	-	-	189	100%				100%
12	Chỉnh trang làng gốm Thanh Hà (gđ2)	8094400	2024-2025	1,000				1,000	913			913	918			918	218	-	-	-	218	213	-	-	-	213	98%				98%
13	Kênh tiêu Hậu Xá giai đoạn 2, phường Thanh Hà	8094765	2024-2025	1,000				1,000	916			916	916			916	181	-	-	-	181	181	-	-	-	181	100%				100%
14	Nâng cấp và đầu tư trang thiết bị Nhà văn hoá khối Tân Mỹ và Tân Thịnh, Cẩm An	8096289	2024-2025	1,133				1,133	1,111			1,111	1,111			1,111	311	-	-	-	311	311	-	-	-	311	100%				100%
15	Nâng cấp các tuyến đường bê tông tại khối Thịnh Mỹ, Cẩm An	8099140	2024-2025	1,141				1,141	1,025			1,025	1,025			1,025	225	-	-	-	225	225	-	-	-	225	100%				100%
16	Nâng cấp các tuyến đường bê tông tại khối An Bàng, Cẩm An	8099144	2024-2025	1,122				1,122	1,016			1,016	1,016			1,016	216	-	-	-	216	216	-	-	-	216	100%				100%
17	Nâng cấp tuyến đường bê tông từ đường Lạc Long Quân đến đường ven sông Đề Vông, Cẩm An	8101485	2024-2025	1,056				1,056	959			959	959			959	209	-	-	-	209	209	-	-	-	209	100%				100%

18	Công trình: Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường bê tông trên địa bàn xã Cẩm Hà	8101524	2024-2025	1,057				1,057	947			947	947			947	447	-	-	-	447	447	-	-	-	447	100%				100%
19	Công trình: Kênh nhánh N7-3 đoạn cuối	8101580	2024-2025	111				111	97			97	109			109	59	-	-	-	59	47	-	-	-	47	79%				79%
20	Thảm nhựa mặt đường Cù Chính Lan	8104104	2024-2025	1,100				1,100	1,000			1,000	1,000			1,000	666	-	-	-	666	666	-	-	-	666	100%				100%
21	Thảm nhựa mặt đường Lê Độ	8105476	2024-2025	1,000				1,000	695			695	755			755	755	-	-	-	755	695	-	-	-	695	92%				92%
22	Thảm nhựa mặt đường Lê Trọng Tấn đoạn từ số nhà 02 đến đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	8105527	2024-2025	1,200				1,200	909			909	986			986	986	-	-	-	986	909	-	-	-	909	92%				92%
23	Nâng cấp tuyến đường bê tông và mương thoát nước tại tổ 17 khối An Bang, Thanh Hà	8107204	2024-2025	1,100				1,100	990			990	1,052			1,052	415	-	-	-	415	354	-	-	-	354	85%				85%
24	Xử lý ngập úng tại tổ 18 khối An Bang, Thanh Hà	8110829	2024-2025	1,200				1,200	1,038			1,038	1,048			1,048	748	-	-	-	748	738	-	-	-	738	99%				99%
25	Nâng cấp tuyến đường bê tông và mương thoát nước tại tổ 19 khối An Bang, Thanh Hà	8110831	2024-2025	1,200				1,200	1,029			1,029	1,029			1,029	729	-	-	-	729	729	-	-	-	729	100%				100%
26	Đầu tư trang thiết bị cho các thiết chế văn hóa trên địa bàn phường Thanh Hà	8113216	2024-2025	1,200				1,200	903			903	903			903	503	-	-	-	503	503	-	-	-	503	100%				100%
27	Công trình: Kênh tiêu thôn Đồng Nà, xã Cẩm Hà	8113796	2024-2025	1,082				1,082	1,011			1,011	1,011			1,011	1,011	-	-	-	1,011	1,011	-	-	-	1,011	100%				100%
28	Thảm nhựa mặt đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Điện Biên Phủ đến nhà bà An	8118853	2024-2025	1,250				1,250	1,071			1,071	1,150			1,150	1,150	-	-	-	1,150	1,071	-	-	-	1,071	93%				93%
29	Kênh tưới tiêu N4-6 (đoạn cuối)	8119035	2024-2025	750				750	389			389	434			434	417	-	-	-	417	372	-	-	-	372	89%				89%
30	Sửa chữa thiết chế văn hóa khối phố Nam Diêu, Thanh Hà	8131949	2024-2025	1,200				1,200	953			953	958			958	958	-	-	-	958	953	-	-	-	953	99%				99%
31	Công trình: Nâng cấp tuyến đường bê tông từ nhà ông Lành đến đường Hai Bà Trưng, Trà Quế	8134108	2024-2025	430	-	-		430	430	-		430	361	-	-	361	361	-	-	-	361	346	-	-	-	346	96%				96%
32	Công trình: Nâng cấp tuyến đường bê tông tại tổ 8, Tràng Suối	8134513	2024-2025	400				400	238			238	260			260	260	-	-	-	260	238	-	-	-	238	91%				91%
33	Nâng cấp đường bê tông và mương thoát nước khối Nam Diêu	8135573	2024-2025	941				941	941			941	941			941	941	-	-	-	941	941	-	-	-	941	100%				100%
34	Quét vôi trụ cổng tường rào, bồn hoa phường Tân An	8137037	2024-2025	48				48	48			48	48			48	48	-	-	-	48	48	-	-	-	48	100%				100%
35	Công trình: Nâng cấp tuyến đường bê tông và hệ thống mương thoát nước từ Tràng Kéo 1 đến đường Nguyễn Chí Thanh, Tràng Suối	8141263	2024-2025	1,200				1,200	832			832	850			850	850	-	-	-	850	832	-	-	-	832	98%				98%
36	Công trình: Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường nội bộ trong làng rau Trà Quế	8141264	2024-2025	700				700	479			479	479			479	479	-	-	-	479	200	-	-	-	200	42%				42%
37	Công trình: Kênh nhánh N5, xã Cẩm Hà	8146145	2024-2025	900				900	500			500	500			500	500	-	-	-	500	500	-	-	-	500	100%				100%
38	Sửa chữa, lắp đặt điện chiếu sáng trên địa bàn phường Tân An	8146146	2024-2025	86				86	86			86	86			86	86	-	-	-	86	86	-	-	-	86	100%				100%
39	Hoa viên và hệ thống đèn trang trí dọc kè hồ Lai Nghi, khối Nam Diêu	8148337	2024-2025	810				810	805			805	810			810	810	-	-	-	810	805	-	-	-	805	99%				99%
40	Kênh tưới tiêu khối An Bang	8148969	2024-2025	1,101				1,101	954			954	1,101			1,101	1,101	-	-	-	1,101	954	-	-	-	954	87%				87%
41	Nâng cấp tuyến đường bê tông kiệt 118 Lạc Long Quân, khối Tân Thành	8151969	2024-2025	1,000				1,000	802			802	884			884	884	-	-	-	884	802	-	-	-	802	91%				91%
42	Nâng cấp các tuyến đường kiệt Nguyễn Phan Vinh, Cẩm An	8151970	2024-2025	1,000				1,000	825			825	904			904	904	-	-	-	904	825	-	-	-	825	91%				91%
43	Công trình: Cải tạo cảnh quan khu hoa viên Bến Trẻ	8153380	2024-2025	1,000				1,000	893			893	940			940	940	-	-	-	940	893	-	-	-	893	95%				95%

44	Cải tạo cảnh quan tại tuyến đường Điện Biên Phủ, Thanh Hà	8157355	2024-2025	1,100				1,100	1,007			1,007	1,100			1,100	1,100	-	-	-	1,100	1,007	-	-	-	1,007	92%				92%
45	Công trình: Nâng cấp tuyến đường từ đường Ridef đến tổ 16 Đồng Nà	8158026	2024-2025	1,100				1,100	600			600	600			600	600	-	-	-	600	600	-	-	-	600	100%				100%
46	Hệ thống điện trang trí Làng gốm Thanh Hà	8158028	2024-2025	1,200				1,200	1,130			1,130	1,130			1,130	1,130	-	-	-	1,130	861	-	-	-	861	76%				76%
47	Nâng cấp tuyến Cồn Phi - Bến Trẻ	8141262	2025-2026	1,200				1,200	-				500			500	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-	0%				0%
48	Nâng cấp các tuyến ĐBT tại tổ 19, Bàu Ốc	8143092	2025-2026	356				356	-				350			350	350	-	-	-	350	-	-	-	-	-	0%				0%
49	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường bê tông và xử lý chống nhập úng; Hạng mục : Nâng cấp hệ thống vỉa hè và cống thoát nước tuyến đường Nguyễn Phan Vinh	8006054	2025-2026	8,232				8,232	8,232			8,232	8,232			8,232	2,693	-	-	-	2,693	-	-	-	-	-	0%				0%
50	Cải tạo, nâng cấp chợ An Bàng	8167134	2025-2026	1,000				1,000	-				588			588	588	-	-	-	588	-	-	-	-	-	0%				0%
B	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**			**4,200**	**0**	**3,100**	**0**	**1,100**	**2,937**	**0**	**2,337**	**600**	**3,437**	**0**	**3,437**	**0**	**1,287**	**0**	**187**	**0**	**0**	**552**	**0**	**187**	**0**	**365**	**43%**				**#DIV/0!**
1	Nâng cấp Trung tâm văn hóa xã, Hạng mục: Nâng cấp sân thể thao, làm mới mái che	8031225	2024-2025	3,100		3,100			2,337		2,337		2,337		2,337		187	-	187	-		187	-	187	-	-	100%				#DIV/0!
2	Đầu tư hệ thống mương thoát nước nội bộ Làng rau Trà Quế (Khu trên)	8168323	2025-2026	1,100				1,100	600			600	1,100		1,100		1,100	-	-	-	-	365	-	-	-	365	33%				#DIV/0!

cuongdoc7-01/04/2026 17:25:13-cuongdoc7-cuongdoc7